

VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN KHOA XÃ HỘI HỌC TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN SAU KHI TỐT NGHIỆP

✍ VŨ YẾN HÀ - NGUYỄN NGỌC DIỆU LINH*

Ngày nhận: 9/10/2017

Ngày phản biện: 16/10/2017

Ngày duyệt đăng: 06/11/2017

Tóm tắt: Nghiên cứu này khảo sát 251 sinh viên ngành Xã hội học tốt nghiệp trường Đại học Công Đoàn bằng phương pháp chọn mẫu thuận tiện. Các phương pháp sử dụng để phân tích dữ liệu sơ cấp gồm thống kê mô tả, phân tích tương quan hai biến. Kết quả nghiên cứu cho thấy, sinh viên có việc làm có tỷ lệ tương đối cao, thời gian tìm kiếm việc làm không quá dài, với những loại hình công việc liên quan đến giáo dục đào tạo, tổ chức đoàn thể, hay trong các tổ chức chính trị xã hội chiếm ưu thế hơn cả. Hai kênh tìm kiếm việc làm quan trọng, hỗ trợ hữu ích cho sinh viên sau khi tốt nghiệp là thông qua gia đình, bạn bè, người thân. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều hạn chế với sinh viên trong quá trình tìm kiếm việc làm.

Từ khóa: việc làm, sinh viên, Xã hội học

EMPLOYMENT OF SOCIOLOGY STUDENTS AFTER GRADUATION AT TRADE UNION UNIVERSITY

Abstract: This study examined 251 sociology students graduated from Trade Union University by means of convenient sampling. Methods used for primary data analysis include descriptive statistics, two-variable correlation analysis. The results show that students have a high statistically significant employment, not too long time to look for work, jobs relating to education and training and more dominant are socio-political organizations. Two important job search channels, useful supports for students after graduation are through family, friends, and relatives. However, there are still many students who work in unskilled jobs that do not fit the profession and skills they were trained at university.

Keywords: employment, students, sociology

1. Đặt vấn đề

Thanh niên nói chung và sinh viên nói riêng là lực lượng lao động lớn của xã hội, là nguồn lực quan trọng cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Theo số liệu thống kê của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đăng trên Bản tin cập nhật thị trường lao động Việt Nam số 12, quý 4 năm 2016, số người thất nghiệp có trình độ từ đại học trở lên là 218 nghìn người, so với giai đoạn trước tăng không nhiều, vấn đề này ngày càng trở thành vấn đề nhức nhối của toàn xã hội vì đối với sinh viên sau khi tốt nghiệp để tìm được việc làm đã khó, có được việc làm đúng với ngành nghề đào tạo lại càng khó khăn trong thời buổi hiện nay. Tình trạng thất nghiệp không chỉ gây thiệt hại cho sinh viên, gia đình và xã hội về kinh tế mà còn gây lãng phí nguồn nhân lực của đất nước (Nguyễn Trọng Nhân, 2015). Vậy làm thế nào để giảm tỷ lệ sinh viên thất nghiệp hoặc làm trái ngành sau khi ra trường vẫn luôn là bài toán khó đối với những

người quản lý giáo dục, vấn đề việc làm sau khi ra trường vẫn là nỗi lo của rất nhiều sinh viên (HomeVN, 2013).

Khoa Xã hội học Trường Đại học Công Đoàn đào tạo cử nhân Xã hội học từ năm 1998 đến nay, với 16 khóa và gần 2.244 sinh viên tốt nghiệp ra trường. Vấn đề việc làm sau khi tốt nghiệp ra trường của sinh viên là vấn đề được cán bộ, giảng viên, sinh viên đang theo học rất quan tâm, thể hiện phần nào hiệu quả hoạt động đào tạo của Khoa và Nhà trường trong những năm qua thông qua những thành tựu về việc làm của sinh viên. Do đó, một cuộc nghiên cứu đã được tiến hành nhằm đánh giá sơ bộ về vấn đề này. Bước đầu cho thấy những kết quả khả quan về vấn đề việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Phương pháp thu thập và xử lý dữ liệu thứ cấp

* Trường Đại học Công đoàn

Để thu thập dữ liệu thứ cấp, nhóm tác giả tiến hành theo các bước sau: (1) xác định những thông tin cần thiết với vấn đề, (2) định vị nguồn dữ liệu, (3) tiến hành thu thập và cuối cùng (4) đánh giá dữ liệu. Sau đó nhóm tác giả sử dụng phương pháp phân tích và tổng hợp để xử lý những dữ liệu giá trị và tin cậy nhằm phát triển cách tiếp cận vấn đề, xây dựng khung nghiên cứu và giải thích dữ liệu sơ cấp.

2.2. Phương pháp thu thập và xử lý dữ liệu sơ cấp

Dữ liệu sơ cấp được thu thập bằng bảng câu hỏi, được thiết kế gồm 3 phần: phần 1 là những câu hỏi về tình hình việc làm hiện nay của sinh viên cũng như những đánh giá về việc vận dụng những kiến thức và kỹ năng đã được đào tạo trong nhà trường vào công việc; phần 2 là những câu hỏi về quá trình tìm kiếm việc làm của sinh viên; phần 3 là những thông tin cá nhân của họ. Đối tượng khảo sát là sinh viên các khóa từ XH2 cho đến XH15 (trừ những sinh viên thuộc diện cán bộ đi học, cử tuyển). Số phiếu khảo sát thu được là 251; sau đó phiếu khảo sát được tiến hành nhập liệu và xử lý bằng phần mềm thống kê SPSS. Bên cạnh các bảng phân tích số liệu dạng tần suất và tỷ lệ, nhằm đánh giá mối liên hệ giữa các biến số định danh và thứ bậc (được sử dụng chủ yếu trong bộ công cụ khảo sát), chúng tôi sử dụng kiểm định Chi - bình phương và các tính toán đại lượng thống kê Cramer'V và Gamma.

3. Thực trạng việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp

3.1. Thực trạng việc làm của sinh viên

Sinh viên khi đứng trước lựa chọn việc làm tương lai không khỏi băn khoăn và đặt ra câu hỏi cho bản thân mình rằng: sẽ làm công việc gì? Công việc đó có đúng chuyên ngành mình được đào tạo đại học không? Tính chất công việc đó sẽ ra sao? Thuộc lĩnh vực nào trong xã hội hiện nay? Với câu hỏi khảo sát về tình hình việc làm của anh (chị) hiện nay, kết quả thể hiện trong bảng số liệu sau:

Bảng 1. Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp hiện nay

Tình hình việc làm của SV	Tần suất	Tỷ lệ (%)
Có việc làm	224	89.2
Không có việc làm	27	10.8
Tổng	251	100

(Nguồn: số liệu khảo sát của đề tài)

Một thực tế khả quan khi nhìn vào bảng số liệu là số lượng sinh viên đã tốt nghiệp đang có việc làm chiếm đa số (89,2%), chỉ có 27 sinh viên (10,8%) đã tốt nghiệp cho biết rằng hiện tại họ không có việc

làm. Tỷ lệ này thể hiện thực tế có một số lượng rất lớn các sinh viên đã ra trường hiện nay đang tham gia thị trường lao động. Khi nghiên cứu kỹ hơn số sinh viên chưa có việc làm, trong số họ cũng có tới 94.1% từng có việc làm, chỉ 5.9% là chưa từng trải qua bất kể công việc gì với lý do chính là họ còn muốn học cao hơn nữa, hoặc do hiện tại chưa tìm được công việc phù hợp.

Một thực tế nữa, tính linh hoạt trong vấn đề việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp cao khi tỷ lệ và tần suất thay đổi việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp tương đối cao.

Bảng 2. Mức độ thay đổi công việc của sinh viên sau tốt nghiệp

Kể từ khi tốt nghiệp có thay đổi việc làm	Tần suất	Tỷ lệ (%)
Có	148	59.2
Không	102	40.8
Tổng	250	100

(Nguồn: số liệu khảo sát của đề tài)

Thay đổi công việc của sinh viên từ khi tốt nghiệp đến nay không phải là hiếm gặp, mức độ thay đổi công việc của các bạn sinh viên sau khi tốt nghiệp được thể hiện qua số liệu khảo sát cho thấy, có khoảng 30% sinh viên sau khi tốt nghiệp đã thay đổi công việc 1 lần; 40% sinh viên thay đổi công việc 2 lần; 23,3% sinh viên thay đổi 3 lần, 5.6% sinh viên thay đổi 4 lần; cá biệt có 1,1% sinh viên thay đổi công việc tới 8 lần, trung bình số lần thay đổi việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp là 1.8 lần/sinh viên. Thay đổi công việc đang làm có thể giúp cho sinh viên tìm kiếm được những công việc phù hợp với bản thân mình hơn. Mặt khác, đối với những công việc mang tính tạm thời, khó có thể làm được lâu dài, thì việc sinh viên thay đổi các công việc khác nhau là hoàn toàn hợp lý. Việc thay đổi các công việc cũng thể hiện được sự linh hoạt của sinh viên Xã hội học, họ có thể đảm nhận nhiều công việc khác nhau trong cuộc sống.

3.2. Các đặc điểm về việc làm của sinh viên

3.2.1. Về loại hình công việc

Sau khi ra trường sinh viên ứng tuyển và thi tuyển vào các lĩnh vực, ngành nghề khác nhau trên thị trường lao động, có những bạn được làm đúng ngành, đúng nghề mình được đào tạo, cũng có những bạn không làm đúng ngành nghề. Dựa trên sự quan tâm về loại hình cơ quan của các sinh viên sau khi ra trường, chúng tôi đã điều tra nghiên cứu về nội dung này, kết quả cụ thể được thể hiện dưới số liệu trong bảng sau:

Bảng 3. Loại hình cơ quan công tác của sinh viên đã tốt nghiệp hiện nay

Loại hình	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Nhà nước	129	51.4
Tư nhân	41	16.3
100% vốn nước ngoài	9	3.6
Công ty cổ phần	28	11.2
Tự tạo việc làm	14	5.6
Tổ chức phi chính phủ	1	0.4
Khác	2	0.8
Không trả lời	27	10.8
Tổng	251	100

(Nguồn: số liệu khảo sát của đề tài)

Trong số sinh viên tham gia khảo sát về vấn đề việc làm sau khi tốt nghiệp, kết quả cho thấy tỷ lệ không nhỏ làm trong Nhà nước chiếm 51.4%; tiếp sau đó là làm việc trong các công ty tư nhân 16.3%, công ty cổ phần 11.2%. Số lượng sinh viên làm việc trong các công ty 100% vốn nước ngoài hạn chế 3.6%; làm việc cho các tổ chức phi chính phủ rất hạn chế chỉ 0.4%. Số liệu cho thấy, công việc trong các đơn vị sự nghiệp, hành chính Nhà nước là môi trường làm việc được sinh viên khoa Xã hội học ưu ái hơn cả, khi số lượng việc làm chủ yếu tập trung ở loại hình công việc này. Vậy, trong các loại hình cơ quan đơn vị công tác này, lĩnh vực chủ yếu mà sinh viên Xã hội học công tác là gì? Điều này có thể thấy trong bảng sau:

Bảng 4. Tương quan giữa loại hình cơ quan với lĩnh vực công tác

(Đơn vị: %)

Loại hình	Lĩnh vực							
	GD - ĐT	CT - XH	KT - QL	Dịch vụ	Truyền thông	TC - ĐT	Kỹ thuật	Khác
Nhà nước (n = 129)	14.7	66.7	2.3	1.6	2.3	11.6	0.0	0.8
Tư nhân (n = 41)	4.9	9.8	17.1	31.7	4.9	2.4	4.9	24.4
100% vốn nước ngoài (n = 9)	0.0	0.0	11.1	11.1	0.0	0.0	44.4	33.3
Công ty CP (n = 28)	3.6	0.0	46.4	25.0	0.0	3.6	0.0	21.4
Tự tạo việc làm (n = 14)	0.0	0.0	28.6	64.3	7.1	0.0	0.0	0.0
TC phi chính phủ (n=1)	100	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0
Khác (n = 2)	0.0	0.0	100	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0

Chú thích: GD - ĐT: Giáo dục đào tạo; CT-XH: chính trị - xã hội; KT-QL: kinh tế - quản lý; TC-ĐT: tổ chức - đoàn thể

(Nguồn: số liệu khảo sát của đề tài)

Trong loại hình cơ quan Nhà nước, sinh viên Xã hội học chủ yếu công tác thuộc lĩnh vực chính trị - xã hội chiếm 66.7%, với các công việc trong các đơn vị hành chính, sự nghiệp như Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân các cấp, Sở ban ngành của các tỉnh, thành phố, Văn phòng Quốc hội, phòng ban của các Viện nghiên cứu... Tiếp theo đó, một tỷ lệ tương đối sinh viên công tác tại các cơ sở giáo dục, đào tạo chiếm 14.7% với chức danh giảng viên, nghiên cứu viên, chuyên viên, cán bộ phòng ban trong các trường cao đẳng, đại học, trung học... Hoạt động trong các tổ chức đoàn thể xã hội chiếm 11.6% như Liên đoàn lao động các cấp, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh các cấp, Hội phụ nữ, Hội Nông dân các cấp...

Trong khi đó, sinh viên công tác ở loại hình đơn vị tư nhân chủ yếu làm những công việc ở lĩnh vực dịch vụ chiếm 31.7%, đó là những công việc như: nhân viên bán hàng, marketing, lễ tân, nhân viên điều hành trong các công ty liên quan đến các hoạt động mua bán, sửa chữa, chăm sóc... Trong các công ty 100% vốn nước ngoài, sinh viên Xã hội học chủ yếu làm trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động kỹ thuật, chiếm 44.4%; tại các công ty cổ phần sinh viên chủ yếu làm về những lĩnh vực liên quan đến kinh tế, quản lý chiếm 46.4%. Điều đặc biệt, trong số những sinh viên tự tạo việc làm cho mình, hoạt động chủ yếu liên quan đến lĩnh vực dịch vụ như bán hàng, chăm sóc khách hàng... chiếm 64.3%.

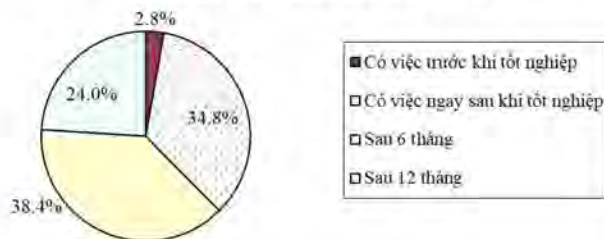
Như vậy, trong các loại hình công việc hiện nay, sinh viên xã hội học sau khi tốt nghiệp chiếm ưu thế ở những công việc liên quan đến các hoạt động mang tính xã hội là chủ yếu, đó là những công việc đòi hỏi khả năng giao tiếp xã hội như trong lĩnh vực dịch vụ, hay các hoạt động trong các tổ chức đoàn thể xã hội, những loại hình công việc này đòi hỏi sự năng động, sáng tạo, nhiệt tình, khả năng tổ chức, quản lý tốt công việc của mình. Điểm nổi bật hơn cả, đó là số lượng không nhỏ những sinh viên nằm trong mẫu điều tra hoạt động trong các đơn vị hành chính, sự nghiệp thuộc loại hình các tổ chức chính trị - xã hội như Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân, các sở, ban, ngành các cấp... Đây là những loại hình công việc đòi hỏi việc sử dụng tổng hợp các kiến thức và kỹ năng đã được đào tạo trong Nhà trường mới có thể hoàn thành tốt được công việc của mình.

3.2.2. Thời gian tìm kiếm việc làm

Trên thực tế, đối với các bạn sinh viên trong tình hình hiện nay, việc tìm kiếm được một công việc sau khi tốt nghiệp luôn là niềm trăn trở, khao khát. Các

bạn sinh viên luôn sẵn sàng tham gia vào thị trường lao động khi có được cơ hội. Khảo sát 251 mẫu nghiên cứu, với câu hỏi: “Sau bao lâu kể từ khi tốt nghiệp, anh/chị tìm được việc làm?”, kết quả thu được như sau:

Biểu đồ 1. Thời gian tìm được việc làm đầu tiên của sinh viên sau khi tốt nghiệp



(Nguồn: số liệu khảo sát của đề tài)

Chỉ có 2.8% tỷ lệ người được hỏi trả lời có việc làm trước khi nhận bằng tốt nghiệp, con số này thấp và chủ yếu là những sinh viên có được việc làm từ chính chỗ mà họ đã đi làm thêm từ thời sinh viên. 34.8% có công việc làm ngay sau khi tốt nghiệp, tuy nhiên hầu hết chỉ là những công việc tạm bợ, làm để có thu nhập nuôi sống bản thân, lấy tiền trụ lại thành phố xin việc ổn định sau, mà không phải xin tiền bố mẹ. Các công việc mà sinh viên làm đa phần là những công việc như: Bưng bê tại các quán cafe, quán ăn hay làm nhân viên trực điện thoại, làm gia sư... “*Minh tốt nghiệp xong, bố mẹ mình cắt đứt mọi khoản luôn, thế là phải tự bươn chải, làm đủ mọi việc ở mọi thời gian để trang trải cuộc sống và tìm cơ hội xin được một công việc theo ý muốn*” (Nữ, XH5). 38.4% sinh viên có việc làm sau 6 tháng, đối với những sinh viên này khi tham gia phỏng vấn sâu, một thực tế cho thấy đây là nhóm sinh viên chủ yếu về địa phương nơi mình sống để xin việc, 6 tháng đầu chủ yếu là khoảng thời gian chờ việc ở nhà “*em về quê, nhưng nộp hồ sơ xin việc phải chờ kết quả, nên em ở nhà gần 1 năm mới đi làm*” (Nữ, XH4). 24% xin được việc đầu tiên sau 1 năm là tỷ lệ không nhỏ, tuy nhiên một vài kết quả phỏng vấn sâu cho thấy đây là nhóm cũng mất một khoảng thời gian để chờ đợi sự sắp xếp công việc từ nơi họ định xin vào làm.

Trong quá trình nghiên cứu, câu hỏi đặt ra: Liệu rằng kết quả học tập hay xếp loại kết quả học tập ở bằng tốt nghiệp của sinh viên có mối quan hệ gì với thời gian tìm kiếm công việc đầu tiên sau khi tốt nghiệp. Để giải đáp câu hỏi đó, chúng tôi đã khảo sát và thu được kết quả như sau:

Bảng 6. Tương quan giữa xếp loại tốt nghiệp với thời gian tìm việc

Thời gian tìm việc đầu tiên	Xếp loại tốt nghiệp				Tổng
	Giỏi	Khá	TB Khá	TB	
Có việc làm trước khi TN	0.0	57.1	42.9	0.0	100 (n=7)
Có việc ngay sau khi TN	0.0	2.8	3.2	0.0	
Sau 6 tháng	2.3	79.1	18.6	0.0	100 (n=86)
Sau 12 tháng	22.2	49.3	17.6	0.0	
Tổng	7.8	51.1	34.4	4.4	100 (n=90)
	77.8	33.3	34.1	80.0	
	0.0	33.3	65.0	1.6	100 (n=60)
	0.0	14.5	42.6	20.0	
Tổng	100 (n=9)	100 (n=138)	100 (n=91)	100 (n=5)	243

Đơn vị: %

(Nguồn: số liệu khảo sát của đề tài)

Đối với những sinh viên tốt nghiệp bằng Giỏi, số liệu khảo sát cho thấy tất cả các em đều tìm được việc làm trước 12 tháng, trong khi những sinh viên tốt nghiệp Trung bình, tất cả các em trong số liệu khảo sát, không ai tìm được việc làm trước 6 tháng, thời gian có được việc làm đầu tiên bắt đầu từ sau 6 tháng. Rõ ràng, chất lượng bằng cho thấy lợi thế rất lớn cho sinh viên trong quá trình rút ngắn thời gian tìm việc, xếp loại bằng cao thì thời gian tìm việc ngắn lại. Cụ thể, tất cả những sinh viên tốt nghiệp bằng Giỏi đều tìm được việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp. Đối với những sinh viên tốt nghiệp bằng Khá và Trung bình khá, thời gian tìm được việc làm đầu tiên của các em không có những biến động mạnh giống như hai nhóm Giỏi và Trung bình. Tuy nhiên, xu hướng chung là các em tốt nghiệp bằng Khá đa số tìm được việc làm sau 6 tháng, còn những em tốt nghiệp trung bình Khá thời gian tìm được việc làm đầu tiên lâu hơn.

Tóm lại, thời gian tìm được công việc đầu tiên sau khi tốt nghiệp của sinh viên thường là sau 6 đến 12 tháng. Số lượng không nhiều sinh viên có việc trước khi tốt nghiệp, hoặc có việc ngay sau khi tốt nghiệp. Trong đó, chất lượng bằng có ý nghĩa quan trọng trong việc giúp sinh viên rút ngắn khoảng thời gian tìm việc, những sinh viên tốt nghiệp bằng Giỏi đều tìm được việc làm ngay trong năm đầu tiên, trong khi những sinh viên tốt nghiệp bằng Trung bình thời gian tìm được việc lâu hơn.

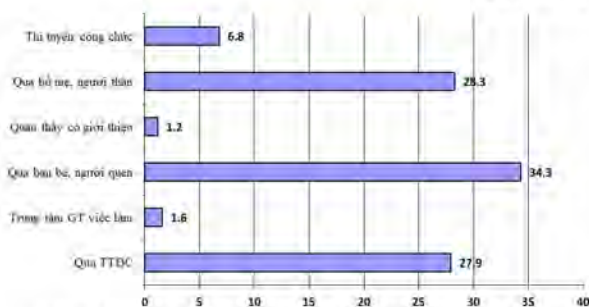
3.2.3. Các kênh để tìm kiếm việc làm

Để tìm được công việc ổn định, cách thức tìm việc cũng như việc huy động toàn bộ vốn xã hội của sinh viên cũng như gia đình của họ là rất cần thiết, để giúp sinh viên sau khi tốt nghiệp nhanh chóng tìm được một công việc phù hợp. Nhiều nghiên cứu

đã chỉ ra công việc của cá nhân có thể được tìm ra thông qua các quan hệ xã hội chứ không chỉ thông qua các kênh chính thức, ý nghĩa của các mạng lưới xã hội là cho phép những người tìm kiếm việc làm tập hợp được những thông tin tốt hơn về tính khả dụng của công ăn việc làm cũng như các đặc điểm của công việc (Phạm Huy Cường, 2014). Với câu hỏi, sau khi ra trường, công việc đầu tiên anh (chị) tìm được bằng cách nào, kết quả thu được thể hiện trong biểu đồ sau:

Biểu đồ 2. Các kênh tìm kiếm công việc đầu tiên sau khi tốt nghiệp

Đơn vị: %



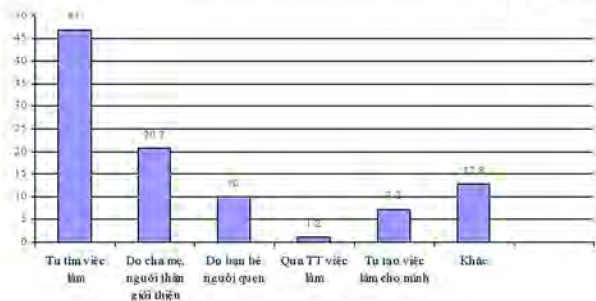
(Nguồn: số liệu khảo sát của đề tài)

Để tìm được công việc đầu tiên, sự hỗ trợ của gia đình, bạn bè người thân quen có vai trò rất quan trọng, chiếm ưu thế vượt trội so với những kênh tìm kiếm việc làm khác. Điều này chứng tỏ vốn xã hội là một trong những nhân tố quan trọng, hỗ trợ đắc lực cho sinh viên trong quá trình tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp. “Công việc đầu tiên em có được là do bạn em giới thiệu, chỗ làm của bạn em tuyển dụng, bạn gọi điện báo thế là em đi dự tuyển, may mắn lại được” (Nữ, XH6). Sau khi ra trường, sinh viên có xu hướng huy động mọi kênh có thể để tìm kiếm việc làm, tuy nhiên hiệu quả do các kênh chính thức như: thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng, hay các trung tâm giới thiệu việc làm lại không mấy phát huy tác dụng, cho nên rất ít sinh viên có thể tìm được việc nhờ những kênh thông tin này. “Em qua mấy trung tâm giới thiệu việc làm, nhưng cũng chẳng mấy tin tưởng, vì họ thu phí đầu tiên, sau đó cũng chẳng biết có được việc hay không, nên thấy sợ, tốt nhất là nhờ tất cả những người mình quen biết, rồi bạn bè của bố mẹ, xem ai có biết ở đâu có nhu cầu tuyển dụng thì mình nộp hồ sơ, chứ em không tin mấy trung tâm giới thiệu việc làm lắm” (Nữ, XH9).

Đối với công việc hiện tại, số liệu có sự thay đổi về kênh tìm kiếm việc làm, khi tính tự chủ, kinh nghiệm làm việc của sinh viên tăng lên, việc hỗ trợ họ trong vấn đề việc làm có nhiều thay đổi.

Biểu đồ 3. Các kênh tìm kiếm việc làm đối với công việc hiện tại

Đơn vị: %



(Nguồn: số liệu khảo sát của đề tài)

Đa số cựu sinh viên sau khi ra trường nói rằng, công việc họ đang làm là do họ tự tìm (47%). Đây là một thực tế thú vị, vì rõ ràng nếu như giai đoạn đầu sau khi mới tốt nghiệp, họ chủ yếu dựa vào nguồn lực từ bên ngoài bản thân hỗ trợ, và tỏ ra khá yếu thế trong vấn đề tìm kiếm việc làm. Khi sinh viên sau này tốt nghiệp thể hiện sự chủ động lớn trong vấn đề tìm kiếm việc làm. Sự tích lũy về kinh nghiệm và vốn xã hội từ sau khi tốt nghiệp cho phép sinh viên có thể chủ động trong việc tìm kiếm những công việc phù hợp với nhu cầu, mục đích của mình. Họ biết phải tìm việc ở đâu, nơi nào đang cần tuyển dụng, và làm thế nào có thể trúng tuyển vào vị trí đó. Thêm vào đó, cũng có một bộ phận tự tạo việc làm cho mình, chủ yếu là hoạt động kinh doanh, dịch vụ, mở cửa hàng kinh doanh buôn bán, hay buôn bán trên mạng. Đây cũng là những con số cho thấy tính linh hoạt về việc làm sau quá trình ra trường, khi họ chủ động tạo ra việc làm cho bản thân mình. “Em đi làm công ty một thời gian, nhưng lương thấp, sau đó em lấy chồng, sinh con và nghĩ đến việc tự kinh doanh mở cửa hàng. Hiện tại em rất hài lòng với công việc kinh doanh của mình vì thu nhập cao hơn hẳn, trong khi hoàn toàn chủ động về thời gian, mà tinh thần lại thoải mái” (Nữ, XH9). Tuy nhiên, sự hỗ trợ của người nhà, bố mẹ, bạn bè và người quen vẫn là những kênh tìm việc được sử dụng với tỷ lệ tương đối 30.7% cho thấy sự hỗ trợ này vẫn rất hữu ích với cả sinh viên mới tốt nghiệp và sinh viên đã có thâm niên và kinh nghiệm công tác. Đây là nguồn vốn xã hội quý giá, là sự trợ giúp hữu ích cho bản thân mỗi con người trong suốt cuộc đời và sự nghiệp của mình.

Tóm lại, hai kênh tìm kiếm việc làm hiệu quả nhất đối với sinh viên sau khi tốt nghiệp đó chính là thông qua bạn bè, người quen hay bố mẹ và người thân khi đa số sinh viên tìm được việc làm đầu tiên

chủ yếu thông qua hai kênh này. Với sự giúp đỡ này, thời gian chờ đợi để có công việc đầu tiên không quá dài so với những kênh hỗ trợ tìm việc khác. Thêm vào đó, khi sinh viên có chút kinh nghiệm làm việc và thâm niên công tác, ngoài hai kênh hỗ trợ tìm việc trên, họ còn phát huy khả năng, tính chủ động của bản thân trong quá trình tìm việc. Do đó có thể nói, vốn xã hội và sự trợ giúp của các mối quan hệ xã hội có ý nghĩa rất quan trọng trong quá trình tìm kiếm việc làm của sinh viên đặc biệt trong giai đoạn đầu tiên khi mới tốt nghiệp ra trường.

Kết luận

Thông qua những kết quả thu được về mặt định tính và định lượng, vấn đề việc làm của sinh viên khoa Xã hội học sau khi tốt nghiệp có thể nhận thấy: tỷ lệ có việc làm sinh viên khoa Xã hội học sau khi tốt nghiệp tương đối cao, khoảng thời gian tìm được công việc đầu tiên không quá dài. Thế mạnh trong loại hình cơ quan của sinh viên khoa Xã hội học sau khi tốt nghiệp là những đơn vị Nhà nước, với những lĩnh vực chủ yếu liên quan đến giáo dục - đào tạo; chính trị - xã hội, hay các tổ chức đoàn thể.

Bên cạnh những thành tựu đạt được, vấn đề việc làm của sinh viên xã hội học sau khi tốt nghiệp cũng bộc lộ nhiều hạn chế như: tính chủ động trong vấn đề tìm kiếm việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp chưa cao, cho nên mối quan hệ của bố mẹ hoặc người thân, bạn bè là kênh tìm kiếm việc làm được sử dụng nhiều nhất, trong khi đó các kênh tìm kiếm việc làm thông qua các trung tâm, hay các phương tiện truyền thông đại chúng tỏ ra yếu thế. Nhiều sinh viên sau khi tốt nghiệp vẫn làm trái ngành nghề, thậm chí là những công việc không cần đến bằng cấp, có những công việc rất bấp bênh, không ổn định.

Nguyên nhân lý giải cho những khó khăn về vấn đề việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp có nhiều, tuy nhiên, nguyên nhân quan trọng nhất xuất phát từ phía chính sinh viên, do những định hướng nghề nghiệp không rõ ràng, quá trình học chưa thực sự nỗ lực cố gắng dẫn đến những hạn chế về chuyên môn nghiệp vụ, sự thiếu hụt các kỹ năng mềm, cùng những kỳ vọng chưa phù hợp về công việc... đã biến vấn đề tìm kiếm việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp trở thành vấn đề không dễ giải quyết. □

Tài liệu tham khảo

1. Bộ LĐ-TB-XH & Tổng cục TK, (n.d.), *Bản tin cập nhật thị trường lao động*, số 12, quý 4, Năm 2016.
2. HomeVN (2013), *Sinh viên loay hoay với vấn đề việc*

làm sau khi ra trường, <http://www.homevn.net/sinh-vien-loay-hoay-voi-van-de-viec-lam-sau-khi-ra-truong-aid534.html>, truy cập ngày 6/8/2014.

3. Huỳnh Lê Uyên Minh (2015), *Vấn đề việc làm sau khi tốt nghiệp của sinh viên ngành tin học ứng dụng khóa 2010*, (2), 164-170.
4. Nguyễn Thị Hồng Hà, Nguyễn Thị Phương Ý, N. N. C. (2017), *Vấn đề việc làm của sinh viên khoa Tài chính Ngân hàng trường Đại học Văn Lang (qua tham chiếu với hai trường Đại học Kinh tế trọng điểm ở Miền Bắc và Miền Nam)*, Tạp chí Khoa học Đại học Văn Lang, 1.
5. Nguyễn Trọng Nhân, Nguyễn Mai Quốc Việt, L. M. T. (2015), *Thực trạng việc làm của sinh viên ngành Việt Nam học (hướng dẫn viên du lịch) tốt nghiệp từ trường Đại học Cần Thơ*, Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, 39, 102-109.
6. Phạm Huy Cường (2014), *Mạng lưới quan hệ xã hội với việc làm của sinh viên tốt nghiệp*, Tạp chí Khoa học Xã hội Đại học Quốc gia Hà Nội, 4, 44-53.

SỰ RA ĐỜI - HÌNH THÀNH KHOA HỌC...

(Tiếp theo trang 12)

tiện nhận thức không thể thay thế của xã hội đang đổi mới, một công cụ dự báo quan trọng cho sự phát triển xã hội trong tương lai. Chính cuộc sống và sự nghiệp đổi mới ngày càng khẳng định vai trò thực tế và khả năng tiềm tàng của Xã hội học hướng tới tham gia giải quyết những vấn đề xã hội đang đặt ra.

Bước sang thế kỷ XXI, mỗi người làm xã hội học đều có dịp nhìn lại quá trình phát triển của ngành, cùng nhau rút ra những bài học bổ ích và cần thiết. Bên cạnh đó, thực tiễn quá trình phát triển đất nước cũng đặt ra những nhiệm vụ mới cho mỗi nhà Xã hội học hướng tới đưa ngành Xã hội học nước ta sánh kịp với các nước trong khu vực và trên thế giới đặc biệt là sau khi Đại hội Hội Xã hội học Việt Nam lần III được tổ chức thành công vào ngày 08-4-2017 tại Hà Nội. □

Tài liệu tham khảo

1. Chung Ấ - Nguyễn Đình Tấn (đồng chủ biên, 1997), *Nghiên cứu xã hội học*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
2. Phạm Tất Dong - Lê Ngọc Hùng (đồng chủ biên, 1997), *Xã hội học*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội, tái bản năm 2008.
3. Đặng Cảnh Khanh (1985), *Về sự phê phán Xã hội học Tư sản*, NXB Thông tin lý luận.